

Số: **96/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 24 - 8 - 2021
(V/v ly hôn, giao quyền nuôi con).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Đàm

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm và bà Hồ Thị Thảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2021 về việc “xin ly hôn và giao quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Hồng N, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ liên lạc: xã T, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt - Đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Viết T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 13/4/2021, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự trong các bản tự khai thì vụ án có nội dung như sau:

Theo nguyên đơn (chị Dương Thị Hồng N) trình bày: Trên cơ sở yêu nhau tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý, anh T và chị N đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 03 tháng 11 năm 2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng vào tỉnh Bình Dương làm ăn và sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì Anh T nảy sinh theo bạn bè nhậu nhẹt và cá độ rồi bỏ bê công việc. Từ đó kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng trở về sống cùng bố mẹ chồng tại thôn M, xã P, huyện Phong Điền.

Sau khi trở về quê, chị N đã nhờ bố mẹ chồng khuyên can nhưng anh T vẫn không thay đổi nên chị N đã đưa con về sống cùng bố mẹ mình tại T, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng bình từ tháng 11 năm 2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Sau thời gian sống ly thân, chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn và không thể hàn gắn được nên quyết định nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Viết T.

Về con: Chị N xác nhận có 02 con chung là Lê Viết Anh T1, sinh ngày 09/12/2016 và Lê Dương Thúy C, sinh ngày 29/9/2019, hiện đang ở với mẹ. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả 02 con đến trưởng thành và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn - anh Lê Viết T: Sau khi thụ lý vụ án, Công an xã P đã tổng đạt trực tiếp “Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh T đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình” cho bố của anh T là ông Lê Viết Yêm tại nhà ở vào ngày 28/4/2021, ông Yêm đã cam đoan giao tận tay cho anh T, nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Tòa án tiếp tục niêm yết Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập anh T tham gia phiên họp ngày 24/6/2021 theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 01/7/2021, Tòa án tiến hành xác minh việc cư trú của anh T và Công an xã P cho biết: Anh Lê Viết T hiện tại còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã P, huyện Phong Điền, sổ hộ khẩu số 580323136; Từ cuối tháng 5 năm 2021, anh T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho gia đình và chính quyền địa phương nên không biết được anh T hiện nay làm gì và đang ở đâu.

Về tình trạng hôn nhân: Chi Hội phụ nữ và ông Yêm (bố của anh T) cho biết: Anh T ham chơi, hay nhậu nhẹt với bạn bè và thiếu trách nhiệm với vợ con. Từ đó vợ chồng hay gây gổ cãi vã nhau và chị N đã đưa 02 con về sống cùng ông bà ngoại ở Quảng Bình từ tháng 11/2020.

Tòa án tiếp tục niêm yết thông báo về việc mở phiên họp công bố công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ 02 theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho anh T quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng cả 02 lần khai mạc phiên tòa thì anh T đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt với lý do ở trong vùng dịch. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Chị N yêu cầu được ly hôn; Yêu cầu được nuôi cả 02 con và anh

T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần kiến nghị khắc phục.

- Về các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Tại phiên tòa, Nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử là phù hợp với khoản 1 Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cũng đã được tổng đạt hợp lệ thủ tục tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng cả hai lần mở phiên tòa bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn xét xử vụ án là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không tháo gỡ được nên chị N đã đưa con về Quảng Bình và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, tuy đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản để tham gia các phiên họp, phiên tòa, nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do. Chứng tỏ anh T đã thấy được mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn và cũng không muốn nuôi con nên đã bỏ mặc việc chị N khởi kiện.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn và giao cho chị N quyền trực tiếp nuôi 02 con. Về cấp dưỡng: Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Các vấn đề khác đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra xem xét công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Viết T và chị Dương Thị Hồng N trên cơ sở yêu nhau tự nguyện và được UBND xã P, huyện Phong Điền, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 03/11/2016 là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, chị N có quyền khởi kiện vụ án về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình;

Các đương sự cùng có nơi cư trú là xã P, huyện Phong Điền nên được Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc anh T đã được tổng đạt hợp lệ “thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải” nhiều lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định tại Điều 179; khoản 1 Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T cũng đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập anh T tham gia phiên tòa 02 lần theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng cả hai lần khai mạc phiên tòa thì anh T đều vắng mặt không rõ lý do; Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) nhưng Hội đồng vẫn tiến hành vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Theo chị N trình bày thì khi vợ chồng ở tỉnh Bình Dương, do anh T ham chơi cá độ, nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con nên chị N quyết định quay về sống cùng với bố mẹ chồng với mục đích để nhờ gia đình góp ý khuyên bảo. Nhưng qua thời gian sống với bố mẹ chồng, anh T đã được bố mẹ góp ý khuyên bảo nhưng vẫn ham chơi, nhậu nhẹt bỏ mặc vợ con. Từ đó chị N thấy bất lực nên đã đưa con về quê sống với bố mẹ mình tại Quảng Bình từ tháng 11/2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa.

Xét thấy: Tuy chị N không xuất trình được chứng cứ để chứng minh việc “anh T ham chơi cá độ, nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình” nhưng lời trình bày của chị N không bị anh T phản đối. Như vậy, đã có cơ sở để nhận định lời trình bày của chị N là sự thật theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự;

Mặt khác, vào ngày 28/4/2021, khi Tòa án đã giao trực tiếp “thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh T” cho ông Lê Viết Yên (là bố của anh T) và ông Yên đã cam đoan giao tận tay cho anh T thì lúc này anh T đang có mặt tại địa phương và ở cùng bố mình. Như vậy, anh T đã biết việc chị N khởi kiện nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Qua đó chứng tỏ anh T đã thấy được sự thật về mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn và anh T cũng không muốn hàn gắn nên đã bỏ đi khỏi địa phương, để mặc chị N khởi kiện việc ly hôn, giao quyền nuôi con và cấp dưỡng.

Ngoài ra, Chi Hội phụ nữ cũng xác nhận: Anh T ham chơi với bạn bè, thiếu trách nhiệm với vợ con”. Bố anh T cũng xác nhận: Từ khi sinh con thứ hai thì T hay đi nhậu về say rồi vợ chồng gây gổ cãi vã nhau nên chị N đã đưa con về quê ở Quảng bình từ tháng 11/2020 không quay lại nữa”.

Từ những căn cứ đã trích dẫn và được phân tích ở trên, Hội đồng xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh T và chị N đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N xin ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần được chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng: Chị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Viết Anh T1, sinh ngày 09/12/2016 và Lê Dương Thúy C, sinh ngày 29/9/2019, cả hai con hiện đang ở với mẹ. Chị N yêu cầu được quyền nuôi 02 con đến trưởng thành và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng nhận thấy: Để giao con cho ai nuôi thì đương sự phải có yêu cầu được nuôi con, đồng thời phải căn cứ vào điều kiện của mỗi bên có đáp ứng được nhu cầu của con được phát triển về mọi mặt, kể cả trước mắt và sau này hay không;

Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, anh T đều vắng mặt nên được coi là đã từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng nghĩ để các cháu có cuộc sống ổn định, được chăm sóc phù hợp với tâm lý lứa tuổi và phù hợp với nhu cầu của con thì cần chấp nhận yêu cầu của chị N và buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nếu sau này, điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự và nhu cầu của các con có sự thay đổi thì các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về án phí sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 207; Điều 208; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án;

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Dương Thị Hồng N với các nội dung sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Viết T;

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung là Lê Viết Anh T1, sinh ngày 09/12/2016 và Lê Dương Thúy C, sinh ngày 29/9/2019 (hiện đang ở với mẹ) kể từ ngày tuyên án cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi; Anh Lê Viết T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Lê Viết T phải cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ (một triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

4. Về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm:

- Chị Dương Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn là 300.000.đ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000.đ tại phiếu thu số 0002717 ngày 26/4/2021 của C cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền là đủ không phải nộp thêm.

- Anh Lê Viết T phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền và nghĩa vụ yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Xuân Đàm